

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ BẢN THÂN LỚP MẪU GIÁO GHÉP NA DÔN – SÁI LƯƠNG

*Thời gian thực hiện 4 tuần: Từ ngày 06/10/2025 đến 31/10/2025*

| TT<br>mục<br>tiêu               | Độ<br>tuổi | Mục tiêu giáo dục                                                                                                    | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                     | Hoạt động<br>giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                 |            |                                                                                                                      | Chung                                                                                                                                                             | Riêng                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất |            |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| a) Phát triển vận động          |            |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                               | 3          | Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn                                                   | * 3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra.<br>` Hai tay đưa lên cao<br><br>* 3,4 T:<br>- Co và duỗi tay<br>- Nghiêng người sang trái, sang phải.<br>- Ngồi xổm, đứng lên; | - Co duỗi chân                                                                                                                                      | * <b>Thể dục sáng:</b><br>- Tập các động tác: Hô hấp Hít vào, thở ra.<br>` Hai tay đưa lên cao<br>- Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.<br>` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau<br><br>* <b>Hoạt động chơi:</b><br>- Chơi trò chơi: Mắt, tai, mũi, miệng. |
| 2                               | 4          | Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh                             |                                                                                                                                                                   | - Nhún chân                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3                               | 5          | Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp |                                                                                                                                                                   | ` Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.<br>` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4                               | 3          | Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>- Đi trong đường hẹp                                | * 3,4,5T<br><br>` 3 T: Đi trong đường hẹp)<br>* 4,5 T:<br>- 4t: Đi trên ghế thể dục (5t: Đầu đội túi cát)                                                         |                                                                                                                                                     | * <b>Hoạt động học</b><br>- Tập các bài thể dục:<br>+ Đi trong đường hẹp - Đi trên ghế thể dục - Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát.                                                                                                                                                                                         |
| 5                               | 4          | Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>- Đi trên ghế thể dục.                                     |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 6                               | 5          | Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>- Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát.               |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                    |   |                                                                                                                                                          |                                                    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13                                 | 3 | Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.<br>- Trườn về phía trước<br>- Ném xa bằng 1 tay<br>- Bật về phía trước                      | 3,4,5T:<br>- Ném xa bằng 1 tay, ném xa bằng 2 tay. | ` Trườn về phía trước                            | + Trườn về phía trước - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm                                                                                                                                                                                                              |
| 14                                 | 4 | Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.<br>- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm<br>- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay<br>- Bật liên tục về phía trước. |                                                    | Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.                    | + Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.<br>+ Bật về phía trước - Bật liên tục về phía trước - Bật liên tục vào vòng<br><br><b>* Trò chơi VĐ:</b><br>- TCM:<br>+ Chó Sói xấu tính<br>+ Cáo ơi ngủ à<br>+ Chuyển bóng<br><br>.                                                                           |
| 15                                 | 5 | Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.<br>- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài<br>- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay<br>- Bật liên tục vào vòng     |                                                    | Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 16                                 | 3 | Thực hiện được các vận động:<br>• Xoay tròn cổ tay.                                                                                                      |                                                    | • Quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.             | <b>* Hoạt động chơi</b><br>- Làm đồ chơi từ vật liệu đơn giản từ giấy gấp thuyền, lá cây làm con vật, hạt xếp hình ngôi nhà cho búp bê<br>+ Chơi các trò chơi lắp ghép; xếp hình người,<br>+ Lắp ghép<br>+ Tạo hình: Tô màu quần áo, váy cho búp bê<br>+ Xây dựng; lắp ráp, ghép hình, xếp chồng các hình khối |
| 17                                 | 4 | Trẻ thực hiện được các vận động:<br>• Cuộn - xoay tròn cổ tay                                                                                            |                                                    | • xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay.                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 18                                 | 5 | Trẻ thực hiện được các vận động:<br>• Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.                                                                                |                                                    | • Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe |   |                                                                                                                                                          |                                                    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|    |   |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 | 3 | - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau thịt, cá, trứng....                                                         | 3,4,5 tuổi<br>- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc của địa phương<br>• Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  | Nhận biết món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp                                                                                     | <p><b>* HĐ ăn ngủ vệ sinh cá nhân</b></p> <p>- Trong giờ ăn cô cho trẻ kể tên món ăn trong bữa cơm.</p> <p><b>* Hoạt động chơi</b></p> <p>Nhận biết một số món ăn, thực phẩm Cơm nếp, cá nướng, rau sắn.....</p> <p>măng đắng, măng chua, cá nướng, cơm nếp, rau sắn</p> <p>- Trò chơi nhận biết các thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...</p> |
| 25 | 4 | - Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:<br>• Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.<br>• Rau, quả chín có nhiều vitamin.                                               |                                                                                                                                                        | • Nhận biết một số món ăn, thực phẩm Cơm nếp, cá nướng, rau sắn.....                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 28 |   | '- Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:<br>• Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...<br>• Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... |                                                                                                                                                        | • Nhận biết một số món ăn, thực phẩm của địa phương, mang đặc trưng của địa phương như măng đắng, măng chua, cá nướng, cơm nếp, rau sắn |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 45 | 3 | - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:<br>• Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. khi người lạ sờ vào người                  |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 49 | 4 | - Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:<br>• Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: như có người lạ ăm, sờ vào người   | 3,4,5 tuổi<br>Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt. |                                                                                                                                         | <p><b>* Hoạt động học:</b></p> <p>- Trò chuyện xem tranh ảnh các bộ phận trên cơ thể:</p> <p>- Dạy trẻ kỹ năng bảo vệ cơ thể không cho người khác giới sờ vào người vào bộ phận sinh dục</p>                                                                                                                                                  |
| 53 | 5 | • Biết tránh một số trường hợp không an toàn:<br>+ Khi người lạ bế ẵm, sờ vào người                                                                            |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

### a) Khám phá khoa học

|    |   |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 55 | 3 | Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng trong chủ đề “Bản thân”                                           | *3,4,5t<br>- Chức năng các giác quan và các bộ phận của cơ thể, một số bộ phận khác của cơ thể |                                                                                                                                                                        | <p><b>* Hoạt động học:</b><br/><b>KPKH:</b><br/>Đôi bàn tay kỳ diệu</p> <p><b>* Hoạt động chơi</b><br/>` Chơi đồ chơi ngoài trời<br/>` Chơi với nước, cát<br/>` Làm một số đồ chơi từ nguyên vật liệu đơn giản lá cây, rơm...</p>                                                  |
| 56 |   | Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. trong chủ đề bản thân                                                   |                                                                                                |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 60 | 4 | Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng trong chủ đề Bản thân                                                         |                                                                                                | Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương.            | <p>- Trải nghiệm làm đèn ông sao, đèn lồng, đèn con cá đón tết trung thu</p> <p>- Quan sát vườn rau.<br/>- Trải nghiệm nhổ cỏ vườn rau, vườn hoa. Gieo hạt rau, tưới rau.<br/>- Quan sát thời tiết mùa thu<br/>- Dạy trẻ kỹ năng mặc trang phục phù hợp với thời tiết mùa thu.</p> |
| 61 |   | Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng thời tiết mùa thu                    |                                                                                                |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 65 | 5 | Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét và thảo luận về đặc điểm của đối tượng trong chủ đề Bản thân |                                                                                                | Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương.<br>` Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|    |   | Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật,                                                                                                                                                             |                                                                                                |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                         |   |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 66                                                      |   | hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng thời tiết mùa thu.                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                    | theo mùa.                  |                                                                                                                                                                                                                                            |
| <i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i> |   |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 82                                                      | 3 | Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 2                                                                                                | 3,4,5 t:<br>- Đếm trên đối tượng và đếm theo khả năng (3t: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2. 4t: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 6. 5: Đếm trong phạm vi 6)<br>4,5 tuổi<br>- Chữ số (4t: trong phạm vi 2. 5t: trong phạm vi 6.) |                            | <b>* Hoạt động học</b><br><b>+ Toán:</b><br>- Ôn, nhận biết số lượng trong phạm vi 6, nhận biết chữ số 2, 6.<br><b>*Hoạt động chơi:</b><br>- Đếm đồ vật xung quanh lớp và tìm thẻ số tương ứng<br>- Xem tranh ảnh đếm và so sánh số lượng. |
| 83                                                      |   | Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.                 |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 87                                                      |   | Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6.                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 88                                                      | 4 | Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.             |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 91                                                      |   | Trẻ biết sử dụng các số từ 1-2 để chỉ số lượng, số thứ tự.                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 94                                                      | 5 | - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng.                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 95                                                      |   | - Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 98                                                      |   | - Trẻ nhận biết các số từ 5 - 6 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                         |   | Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để                                                                                                               | 4, 5 t:<br>Xác định vị trí                                                                                                                                                                                                         | Nhận biết phía trên - phía | <b>* Hoạt động học:</b>                                                                                                                                                                                                                    |

|     |   |                                                                                 |                                                                                                                          |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 112 | 3 | chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.                      | của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). | dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.                                                                 | <b>LQVToán:</b><br>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn (Phía phải, Phía trái- trên -dưới , trước -sau )<br><b>* Hoạt động chơi:</b><br>- Trò chơi thi ai nhanh.<br>Phân biệt phải, trái so với bản thân. |
| 113 | 4 | Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.    |                                                                                                                          |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 114 | 5 | Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. |                                                                                                                          | Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) với một vật nào đó làm chuẩn. |                                                                                                                                                                                                                                                                       |

*c) Khám phá xã hội*

|     |   |                                                                                     |                                                                                             |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 117 | 3 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện           | 3,4,5 t:<br>- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.<br>(4, 5: Họ tên. 5: Ngày sinh)            |                                                | <b>* Hoạt động học KPXH:</b> Bé giới thiệu về mình<br><b>* Hoạt động chơi</b><br>- Giải câu đố về các câu đố về các bộ phận trên cơ thể.<br>- Trò chuyện về tên, tuổi, <i>giới tính của bản thân trẻ, đặc điểm bên ngoài, sở thích của trẻ.</i><br>- Hoạt động góc: Cát dọn đồ chơi đúng nơi quy định<br><i>Một số quyền và bổn phận đối với trẻ em</i> |
| 121 | 4 | - Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện     | 4, 5 t:<br>- Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân                                      |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 127 | 5 | - Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | <i>hiểu biết ban đầu về giới và bình đẳng giới. Một số quyền và bổn phận đối với trẻ em</i> | '- Ngày sinh, và vị trí của trẻ trong gia đình |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 136 | 3 | - Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày tết trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh.    | Tên của ngày tết trung thu.                                                                 |                                                | <b>* Hoạt động học KPXH</b><br>Trải nghiệm tết trung thu<br><b>* Hoạt động chơi:</b><br>Chơi ngoài trời làm đèn lồng                                                                                                                                                                                                                                    |
| 138 | 4 | - Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của ngày tết trung thu                          | 4,5 tuổi<br>Đặc điểm nổi bật của tết trung thu.<br>Ví dụ nói: “Ngày tết trung thu được      |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|     |   |                                                                                                                                     |                              |                       |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| 140 | 5 | - Trẻ có thể kể tên và nói về hoạt động nổi bật của tết trung thu. Ví dụ nói: “Ngày tết trung thu được rước đèn đánh trống, phá cỗ” | rước đèn đánh trống, phá cỗ” | Tổ chức tết trung thu |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|

### 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

|     |   |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 154 | 3 | Trẻ có thể sử dụng được câu đơn.                                                          | *3,4,5t<br>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân ( 3: Bày tỏ bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. 4: Bày tỏ bằng các câu đơn, câu ghép. 5: Bày tỏ rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.)<br>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao. | Phát âm các từ chứa tiếng mẹ đẻ của trẻ                                                       | * <b>Hoạt động học</b><br>- Dạy tiếng Việt:<br>+ Bàn tay, ngón tay.<br>+ Cái miệng, cái lưỡi.<br>+ Đôi mắt, cái mũi.                                                                                                                                                                 |
| 156 |   | Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao về các bộ phận trên cơ thể.                          |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 159 | 4 | Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép.                                       | Phát âm các từ tiếng mẹ đẻ của trẻ                                                                                                                                                                                                                     | Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.<br>'- Phát âm các tiếng mẹ đẻ của trẻ: Tiếng K' Mú, Thái | * <b>Hoạt động chơi</b><br>- Giải câu đố về các giác quan, các bộ phận cơ thể.<br>- Đồng dao: Rềnh rềnh ràng ràng, vượn vai<br>- Chơi TC: Ngón tay nhúc nhích                                                                                                                        |
| 160 |   | Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao về các bộ phận trên cơ thể                           |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 164 | 5 | Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định                                    |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 165 |   | Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao về các bộ phận trên cơ thể.                |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 168 | 3 | Trẻ biết kể lại truyện “Giấc mơ kỳ lạ” đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn | 3,4,5 t:<br>- Kể lại truyện đã được nghe (3: Kể lại một vài tình tiết của sự việc đã được chứng kiến bằng tiếng mẹ đẻ...)                                                                                                                              | Kể lại một vài tình tiết của sự việc đã được chứng kiến bằng tiếng mẹ đẻ.                     | * <b>Hoạt động học</b><br>- Truyện: Giấc mơ kỳ lạ<br>* <b>Hoạt động chơi:</b><br>- Góc sách: Nghe đọc truyện: Giấc mơ kỳ lạ<br>- Xem tranh truyện: Giấc mơ kỳ lạ<br>- Trò chơi: Khuôn mặt đáng yêu<br>* Hoạt động học:<br>- Trẻ kể chuyện, đọc thơ với giọng điệu cử chỉ phù hợp với |
| 170 | 4 | Trẻ kể chuyện: “Giấc mơ kỳ lạ” có mở đầu, kết thúc.                                       |                                                                                                                                                                                                                                                        | Mô tả hiện tượng.<br>Kể lại sự việc đã được chứng kiến bằng tiếng mẹ đẻ.                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 172 | 5 | trẻ có thể kể lại nội dung câu truyện “Giấc mơ kỳ lạ” theo trình tự                       |                                                                                                                                                                                                                                                        | Kể chuyện theo đồ vật, theo                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|     |   |                                                                        |                                                                                                   |        |                                                                                                                                                         |
|-----|---|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |   | nhất định                                                              |                                                                                                   | tranh. | nhân vật<br>- Hoạt động góc:<br>- Trẻ giao tiếp với các bạn trong khi chơi nhẹ nhàng không nói quá to                                                   |
| 178 | 3 | Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.                                | 3,4,5 tuổi<br>' Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |        |                                                                                                                                                         |
| 179 | 4 | Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. |                                                                                                   |        |                                                                                                                                                         |
| 180 | 5 | Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.                    |                                                                                                   |        |                                                                                                                                                         |
| 193 | 5 | Trẻ nhận dạng các chữ a, ă, â trong bảng chữ cái tiếng Việt.           | 4,5t:<br>Nhận dạng chữ cái (4: Nhận dạng một số chữ cái. 5: Nhận dạng các chữ cái a,ă,â)          |        | <b>* Hoạt động học</b><br>- Làm quen chữ cái a, ă, â<br><b>* Hoạt động chơi</b><br>- Góc sách: Xem và “đọc” các loại sách, tranh, tô đồ chữ cái a, ă, â |

#### 4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

|     |   |                                                                                            |                                                                              |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 194 | 3 | Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.                                            | 3-4 tuổi: Tên, tuổi, giới tính<br>4 -5 tuổi: Sở thích, khả năng của bản thân | Những điều bé thích, không thích.                                                     | <b>* Hoạt động học:</b><br><br><b>KPXH:</b> Bé giới thiệu về mình<br><b>* Hoạt động chơi:</b><br>Chơi ở các góc: Trẻ nói được góc chơi vai chơi mình thích và không thích<br>- Trò chuyện điểm giống và khác nhau của mình với người khác.<br>- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học |
| 195 |   | Trẻ nói được điều bé thích, không thích                                                    |                                                                              |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 196 | 4 | Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ                                 |                                                                              |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 197 |   | Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.                 |                                                                              |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 198 | 5 | Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại |                                                                              | - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.<br>- Vị trí và trách nhiệm của bản |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 199 |   | - Trẻ nói được điều bé                                                                     |                                                                              |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

|     |   |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                         |                                   |                                                                                                                                                        |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |   | thích, không thích.,<br>những việc bé làm<br>được và việc gì bé<br>không làm được                                       |                                                                                                                                                                                                         | thân trong gia<br>đình và lớp học |                                                                                                                                                        |
| 200 |   | - Trẻ nói được mình có<br>điểm gì giống và khác<br>bạn (dáng vẻ bên<br>ngoài, giới tính, sở<br>thích và khả năng)       |                                                                                                                                                                                                         |                                   |                                                                                                                                                        |
| 202 |   | Trẻ biết chấp nhận sự<br>khác biệt giữa người<br>khác với mình;                                                         |                                                                                                                                                                                                         |                                   |                                                                                                                                                        |
| 203 | 3 | Trẻ mạnh dạn tham gia<br>vào các hoạt động,<br>mạnh dạn khi trả lời<br>câu hỏi.                                         | - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt<br>động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.                                                                                                                                 |                                   | <b>Hoạt động học:</b><br>- Trẻ mạnh dạn<br>tham gia các hoạt<br>động học hoạt động<br>chơi                                                             |
| 205 | 4 | Trẻ biết tự chọn đồ<br>chơi, trò chơi theo ý<br>thích                                                                   | '- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý<br>thích                                                                                                                                                            |                                   | - Tự phân công vai<br>chơi tự chọn vai<br>chơi, đồ chơi mình<br>thích                                                                                  |
| 207 | 5 | Trẻ có thể tự làm một<br>số việc đơn giản hằng<br>ngày (vệ sinh cá nhân,<br>trực nhật, chơi...).                        | Thực hiện công việc được giao<br>(trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).                                                                                                                                       |                                   | - Góc XD: Xây nhà<br>của bé, Lắp ghép đồ<br>chơi...<br>- Góc PV: Bế em,<br>mẹ con, nấu ăn, bác<br>sĩ, bán hàng.                                        |
| 209 | 3 | Trẻ nhận ra cảm xúc:<br>vui, buồn, sợ hãi, tức<br>giận qua nét mặt,<br>giọng nói, qua tranh<br>ảnh.                     | * 3,4,5 tuổi:<br>- Nhận biết một<br>số trạng thái cảm<br>xúc (vui, buồn, sợ<br>hãi, tức giận, 4, 5:<br>ngạc nhiên. 5:<br>xấu hổ) qua nét<br>mặt, cử chỉ, giọng<br>nói, (4, 5: tranh<br>ảnh. 5: Âm nhạc) |                                   | <b>* Hoạt động học</b><br>- PT Tình cảm:<br>+ Nhận biết trạng<br>thái cảm xúc: Vui,<br>buồn, ngạc nhiên, sợ<br>hãi, tức giận, xấu<br>hổ.               |
| 210 |   | - Trẻ biết biểu lộ cảm<br>xúc vui, buồn, sợ hãi,<br>tức giận                                                            |                                                                                                                                                                                                         |                                   | <b>* Hoạt động chơi:</b><br>- Trò chơi: Khuôn<br>mặt đáng yêu<br>- Góc tạo hình: vẽ<br>chân dung bạn, bản<br>thân, tô màu bạn<br>trao, bạn gái, vẽ các |
| 213 | 4 | Trẻ nhận biết được<br>cảm xúc vui, buồn, sợ<br>hãi, tức giận, ngạc<br>nhiên qua nét mặt, lời<br>nói, cử chỉ, qua tranh, | * 3,4 tuổi<br>- Biểu lộ trạng<br>thái cảm xúc qua,<br>cử chỉ, giọng nói;<br>trò chơi; hát, vận                                                                                                          |                                   |                                                                                                                                                        |

|     |   |                                                                                                                                                        |                                                                                                  |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |   | ảnh                                                                                                                                                    | động (3: Nét mặt.<br>4: Vẽ, nặn, xếp hình.)                                                      |                                                                                                           | gương mặt cảm xúc, biểu cảm.                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 214 |   | - Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.                                                                            |                                                                                                  |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 218 | 5 | Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác |                                                                                                  | - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 219 |   | - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.                                                                           |                                                                                                  |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 228 | 3 | - Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...                                                                                        | Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép<br>* 3,4 tuổi<br>Chờ đến lượt. | '- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).<br>- Chờ đến lượt.                                         | <b>* HĐ vệ sinh ăn ngủ:</b><br>- Tự vệ sinh chăm sóc thân thể; rửa mặt, chải đầu, đánh răng, thay quần áo<br>- Vệ sinh các giác quan: Mắt, mũi, mồm...<br>- Trò truyện thực phẩm cho bé ăn hàng ngày, không kén chọn thức ăn.<br>- Trò chuyện cùng trẻ về hành vi đúng – sai. Cho trẻ thực hành cảm ơn xin lỗi. |
| 229 |   | - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói                                                                                                                       |                                                                                                  |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 232 | 4 | - Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.                                                                                                      |                                                                                                  | Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 233 |   | - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói                                                                                                                       |                                                                                                  |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 237 | 5 | - Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép                                                                                                       |                                                                                                  | - Tôn trọng, chấp nhận<br>- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 238 |   | - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.                                                                                           |                                                                                                  |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 243 | 3 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                                                    | 3,4,5 tuổi<br>- Giữ gìn vệ sinh môi trường bản                                                   |                                                                                                           | <b>* Hoạt động lao</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                       | làng, trường lớp                                                                                                                                                                                                       | <b>động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 245                                   | 4 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                        | - Kê bàn ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 249                                   | 5 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                        | - Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định<br>- Trải nghiệm nhặt lá cây sân trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b> |   |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 253                                   | 3 | - Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe đọc đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện trong chủ đề bản thân.                                                 | Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi bài hát cái mũi, thật đáng chê, hát dân ca dân tộc thái anh là ơi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng thời tiết mùa thu     | <b>* Hoạt động học</b><br>- Cho trẻ nghe xem video các bài hát: cái mũi, thật đáng chê, hát dân ca dân tộc thái anh là ơi<br>- Cho trẻ xem tranh, ảnh, nghe các bài hát về các bộ phận trên cơ thể qua băng đài....<br><br><b>*Hoạt động chơi</b><br>- Góc nghệ thuật: Hát, múa các bài hát trong chủ đề<br>- Góc sách: Cho trẻ xem sách; Đọc thơ, ca dao, đồng dao, chuyện theo tranh về cơ thể, các nhóm thực phẩm cung cấp dinh dưỡng cho cơ thể<br><br><b>* Hoạt động học:</b><br>+ Âm nhạc: |
| 256                                   | 4 | Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc đồng dao, ca dao thích nghe và kể câu chuyện trong chủ đề bản thân.                                                                 | Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi bài hát cái mũi, thật đáng chê, hát dân ca dân tộc thái anh là ơi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng thời tiết mùa thu     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 259                                   | 5 | - Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp ) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện trong chủ đề bản thân. | Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc bài hát cái mũi, thật đáng chê, hát dân ca dân tộc thái anh là ơi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng thời tiết mùa thu |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 261                                   |   | - Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát “Vì sao mèo rửa mặt. tôi bị ốm”                                                                                                                                              | *3,4 ,5 tuổi:<br>- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát.<br>* 4,5 tuổi                                                                                                                                               | Trẻ nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).<br><br><b>* Hoạt động học:</b><br>+ Âm nhạc:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                 |                                                              |                                                                                                            |                                                                                                                                                                  |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 262 | 3 | - Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc Vì sao mèo rửa mặt, tôi bị ốm, em bé khỏe em bé ngoan                                                                                                    | ` Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.                   | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc                                      | - Dạy hát: Vì sao mèo rửa mặt<br>- NH: Cái mũi<br>- Chơi trò chơi: Đoán tên bạn hát.                                                                             |
| 264 | 4 | - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ qua bài hát Vì sao mèo rửa mặt. tôi bị ốm em bé khỏe em bé ngoan                                  |                                                              | - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.                                                     | - Hát theo nhạc: Tôi bị ốm<br>- NH: Thật đáng chê<br>- Tc: Tai ai tinh<br>Nghe hát: Mời bạn ăn<br>Hát theo nhạc: Em bé khỏe em bé ngoan<br>TC: Bao nhiêu bạn hát |
| 265 |   | - Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp) bài hát trong chủ đề                                                                                   |                                                              |                                                                                                            |                                                                                                                                                                  |
| 268 | 5 | Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... qua bài hát hát “Vì sao mèo rửa mặt, tôi bị ốm”. em bé khỏe em bé ngoan |                                                              | - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi).<br>- Nghe nhạc dân tộc trẻ. inh lá ơi |                                                                                                                                                                  |
| 269 |   | Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức nhún nhảy. bài hát” Thật đáng chê, cái mũi.mời bạn ăn                                                               |                                                              |                                                                                                            |                                                                                                                                                                  |
| 274 |   | '- Trẻ có thể vẽ các nét thẳng tạo thành bức tranh đơn giản: Vẽ chân dung bạn trai                                                                                                                              | * 3,4,5 tuổi<br>- Nhận xét sản phẩm tạo hình. (4,5: Nhận xét | Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản                                                     | * <b>Hoạt động học</b><br>- Tạo hình:<br><b>Tạo hình</b><br>+ Làm lồng đèn                                                                                       |

|     |   |                                                                                                                       |                                                                               |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | 3 | ( bạn gái)                                                                                                            | sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.<br>5: Nhận xét về bố cục) | phẩm                                                                                                          | trung thu (IDP)<br><br>+ Vẽ chân dung bạn trai bạn gái.<br>+ Nặn theo ý thích<br><br><b>* Hoạt động chơi:</b><br>- Hoạt động góc:<br>- Tô vẽ tranh chân dung bạn trai, bạn gái<br>- TC: Dán các bộ phận còn thiếu cho cơ thể. |
| 276 |   | - Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm theo ý thích.                                 |                                                                               |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                               |
| 282 | 4 | - Trẻ có thể phối hợp các nét thẳng, xiên tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. Vẽ chân dung bạn trai ( bạn gái)  |                                                                               | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.                   |                                                                                                                                                                                                                               |
| 284 |   | - Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết theo ý thích. |                                                                               |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                               |
| 290 | 5 | Trẻ có thể phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà. Vẽ chân dung bạn trai ( bạn gái)        |                                                                               | Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. |                                                                                                                                                                                                                               |
| 292 |   | Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.                                            |                                                                               |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                               |

**NGƯỜI LẬP**

**BAN GIÁM HIỆU DUYỆT**

**Mai thị Cúc**

**Trần Thị làn**